

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH AN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2026/DS-ST
Ngày: 26-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Bà Trần Thu Trang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7
- An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên toà: Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 09/01/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 18/2026/QĐST-DS ngày 19/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP X (E)**

Địa chỉ: Tầng H, Văn phòng số L + 16 Tòa nhà V, số G L, phường S,
Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Việt H**, sinh năm 1983; trú tại: Số nhà A, đường T, phường C, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 03/2024/UQ - EIB ngày 08/8/2024) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 12/10/2022 ông Nguyễn Thành T có vay tiền của Ngân hàng TMCP X (E) theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 1515ODPCC2200072 có số tài khoản 151510501000586, vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/10/2025, lãi suất trong hạn 33%/năm, lãi quá hạn 150%/năm so với lãi trong hạn. Mục đích vay là để tiêu dùng. Vay tín chấp.

Sau khi được cấp hạn mức và thực hiện giải ngân số tiền trên thì ông Nguyễn Thành T nhiều lần rút tiền và trả gốc, lãi đến ngày 04/02/2025 thì không trả nữa. Do đó, đến ngày 14/02/2025 đã quá hạn, Ngân hàng có nhiều lần đòi nợ nhưng ông Nguyễn Thành T vẫn không thực hiện.

Quá trình thực hiện ông Nguyễn Thành T đã vi phạm hợp đồng. Vì vậy, nay đại diện Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải trả số tiền vay còn thiếu tạm tính đến ngày 07/01/2026 tổng cộng 24.030.000 đồng, trong đó: gốc 19.670.342 đồng, lãi 4.359.658 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 08/01/2026 cho đến khi ông Nguyễn Thành T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP X (E).

** Tại bảng tự khai; biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:*

Ông với Ngân hàng TMCP X (E) có ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng, nhưng không nhớ lãi suất thoả thuận bao nhiêu, phương thức thanh toán là 5% của tổng nợ sao kê, thời hạn vay 36 tháng. Sau khi vay đã trả đến khoảng tháng 02/2025 thì không trả nữa. Hình thức vay tín chấp.

Ông có vợ tên Dương Thị Ngọc H1, nhưng việc vay tiền không liên quan gì đến bà H1.

Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và biên bản thoả thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà Toà án cho ông xem đúng là chữ ký của ông.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X (E) thừa nhận còn nợ số tiền gốc là 19.670.342 đồng, còn đối với số tiền lãi khi gặp Ngân hàng sẽ đối chiếu sau.

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Số tiền cấp hạn mức cho ông Nguyễn Thành T là 20.000.000 đồng, nhưng sau khi được cấp thẻ tín dụng thì ông T đã thực hiện các giao dịch với số tiền 30.567.337 đồng, phí sử dụng dịch vụ 3.199.353 đồng, lãi 16.184.871 đồng.

Lãi suất cho vay được quy định theo từng thời điểm. Tính đến ngày 04/02/2025 thì ông Nguyễn Thành T đã trả cho Ngân hàng TMCP X (E) được 30.894.934 đồng trong đó: Gốc 11.510.710 đồng, lãi 16.184.871 đồng, phí sử dụng dịch vụ 3.199.353 đồng thì ngưng không trả nữa nên từ ngày 14/02/2025 đã chuyển sang nợ quá hạn. Cho đến ngày 20/8/2025 ông T có trả được 2.101.607 đồng tiền gốc thì không trả nữa cho đến nay.

Nay đại diện Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải trả số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 26/01/2026 tổng cộng 21.491.812 đồng, trong đó: Gốc 17.518.624 đồng, lãi theo mức 20%/năm là 3.973.188 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 27/01/2026 cho đến khi ông Nguyễn Thành T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP X (E); xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện là số tiền vay gốc 2.151.718 đồng không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T phải trả cho Ngân hàng TMCP X (E) số tiền còn thiếu tính đến ngày 26/01/2026 tổng cộng 21.491.812 đồng, trong đó: Gốc 17.518.624 đồng, lãi theo mức 20%/năm là 3.973.188 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký tính từ ngày 27/01/2026 cho đến khi trả hết nợ vay; đình chỉ giải quyết một phần yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X (E) đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T số tiền vay gốc 2.151.718 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải đối với vụ án. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “.....*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các đương sự trong vụ án, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp hợp đồng tín dụng*. Do bị đơn cư trú tại ấp N, xã A, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T phải trả số tiền vay gốc 2.151.718 đồng trong tổng số tiền vay gốc đã khởi kiện là 19.670.342 đồng, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết. Đồng thời, bị đơn ông Nguyễn Thành T không có yêu cầu phản tố. Như vậy, xác định được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần HĐXX chấp nhận và

định chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X (E) đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Thành T tại biên bản lấy **lời khai ngày 18 tháng 12 năm 2025** cùng lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định giữa Ngân hàng TMCP X (E) với ông Nguyễn Thành T đã xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi với nhau, cụ thể: Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 1515ODPCC2200072 ngày 12/10/2022 có số tài khoản 151510501000586, ông T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/10/2025, lãi suất cho vay được quy định theo từng thời điểm. Mục đích vay là để tiêu dùng. Vay tín chấp.

Từ khi vay đến ngày 04/02/2025 thì ông Nguyễn Thành T đã trả cho Ngân hàng TMCP X (E) được 30.894.934 đồng trong đó: Gốc 11.510.710 đồng, lãi 16.184.871 đồng, phí sử dụng dịch vụ 3.199.353 đồng, kể từ ngày 05/02/2025 thì không tiếp tục trả theo thoả thuận. Cho đến ngày 20/8/2025 thì trả được 2.101.607 đồng tiền gốc thì không trả nữa cho đến nay và hiện còn nợ tổng số tiền vay gốc, lãi tính đến ngày 26/01/2026 là 21.491.812 đồng, trong đó: Gốc 17.518.624 đồng, lãi theo mức 20%/năm 3.973.188 đồng.

Vì vậy, nay ông T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP X (E) số tiền vay còn thiếu là **21.491.812đ** (*Hai mươi một triệu bốn trăm chín mươi một nghìn tám trăm mười hai đồng*), trong đó tiền vay gốc 17.518.624 đồng, lãi theo mức 20%/năm tính đến ngày 26/01/2026 là 3.973.188 đồng, vì đây là nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Thành T phải chịu 1.074.590 đồng (21.491.812 đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 241 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 99, 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Thành T phải trả cho Ngân hàng TMCP X (E) tổng số tiền vay gốc, lãi theo mức 20%/năm tính đến ngày 26/01/2026 là 21.491.812 đồng, trong đó: Gốc 17.518.624 đồng, lãi theo mức 20%/năm 3.973.188 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/01/2026, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X (E) buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T phải trả số tiền vay gốc 2.151.718 đồng trong tổng số tiền vay gốc đã khởi kiện là 19.670.342 đồng.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Nguyễn Thành T phải chịu 1.074.590 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X (E) 595.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010004 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - An Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2026); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh AG;
- VKSND khu vực 7 - AG;
- Các đương sự;
- Phòng THADS kv7;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh